

NHẬN DIỆN VĂN HÓA HỌC TẬP CỦA HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Nguyễn Thị Tú⁺,
Nguyễn Sỹ Thư,
Đur Thống Nhất

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: tunth@hcmue.edu.vn

Article history

Received: 05/9/2024

Accepted: 04/10/2024

Published: 05/11/2024

Keywords

School culture, learning culture, high school education, 2018 General Education Curriculum

ABSTRACT

School culture is a decisive factor and bears great significance to the success of a school, helping affirm, preserve, and spread its value system. The learning culture of students is one of the key components of the overall school culture. The 2018 General Education Curriculum, issued under Circular 32/2018/TT-BGDĐT, is a testament to educational reform in Vietnam, aimed at fostering the comprehensive development of students not only in academic capacities and attitudes toward learning but also in their social skills. This paper aims to assess the current state of students' learning culture in public high schools in Ho Chi Minh City within the context of educational reform. A survey of 771 managers, teachers, staff, and 1,499 11th-grade students from 13 public high schools in Ho Chi Minh City revealed that students' learning culture is not highly rated, being the lowest among the cultural factors constituting school culture. In particular, students' academic competence was identified as the strongest aspect. However, social skills, attitudes toward learning, and learning purposes and motivation received mixed feedback, indicating areas that require further improvement.

1. Mở đầu

Văn hóa nhà trường (VHNT) là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nhà trường thành công, sáng tạo và thích ứng. VHNT không chỉ định hình cách GV và HS ứng xử, tạo ra bầu không khí tích cực mà còn giúp HS phát huy tối đa tiềm năng và đạt các năng lực cần thiết. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu giáo dục phổ thông, định hướng phẩm chất và năng lực cần đạt cho HS, đồng thời xác lập các nội dung, phương pháp giáo dục và cách đánh giá kết quả giáo dục theo hướng mở và linh hoạt, cho phép nhà trường tự chủ trong việc lựa chọn và triển khai các nội dung giáo dục phù hợp, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự kết nối giữa nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội (Bộ GD-ĐT, 2018). Xây dựng VHNT, trong đó có văn hóa học tập của HS, chính là tạo ra môi trường và điều kiện cần thiết để HS phát triển toàn diện. Do đó, việc nhận diện VHNT trở thành cơ sở quan trọng để xác định các tiêu chuẩn đo lường và đánh giá mức độ thay đổi của VHNT. Quá trình này đòi hỏi việc xác lập hệ thống tiêu chí đánh giá dựa trên cả cơ sở pháp lý và lý luận, đồng thời phải được kiểm nghiệm thực tiễn qua các phương pháp nghiên cứu phù hợp. Để hiểu rõ hơn về thực trạng VHNT, tác giả tiến hành nghiên cứu nhận diện văn hóa học tập, một yếu tố cấu thành VHNT tại các trường THPT công lập ở TP. Hồ Chí Minh.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về văn hóa nhà trường phổ thông

2.1.1. Khái niệm văn hoá nhà trường

Cho đến nay, chưa một nghiên cứu nào phân biệt 03 cách diễn đạt của thuật ngữ “văn hóa nhà trường”, “văn hóa trường học”, “văn hóa học đường” nên chúng được sử dụng tương đương nhau và tất cả đều liên quan đến ‘trường học’. VHNT cung cấp những khuôn khổ mang tính biểu tượng để đưa ra ý nghĩa và hiểu biết ý nghĩa của các hoạt động trong trường học (Helsper, 2000); chúng làm cho các hành động trở nên có ý nghĩa và có thể hiểu được trong bối cảnh trường học phải thay đổi. VHNT được tiếp cận từ nhiều góc độ: góc độ giáo dục (Nguyễn Toàn Thắng, 2021; Thái Văn Thành, 2021; Phillips, 1996) là hệ thống niềm tin, giá trị, chuẩn mực, thói quen, truyền thống có tác dụng định hướng hành vi của các thành viên trong nhà trường; từ góc độ mối quan hệ trong nhà trường (Maslowski, 1997; Maslowski, 2001); từ góc độ hóa tổ chức (Đặng Thành Hưng, 2016; Nguyễn Minh, 2007; Cooper, 1988). Từ nhiều nghiên cứu đúc kết, VHNT có thể hiểu là tổng thể các giá trị vật chất và giá trị tinh thần mà cán bộ, GV, HS,

cha mẹ HS và các thành viên khác của cộng đồng nhà trường cùng thừa nhận, chia sẻ và xây dựng trong quá trình phát triển nhà trường để thúc đẩy chất lượng giáo dục, tạo phong cách, bản sắc riêng cho nhà trường.

2.1.2. Nhận diện văn hóa nhà trường, văn hóa học tập của học sinh

Văn hóa tổ chức nhà trường, VHNT và môi trường học đường đã được các nhà lý thuyết mô tả là những khái niệm chồng chéo (Miner, 1995). Mặc dù môi trường học đường và VHNT có mối liên hệ với nhau nhưng môi trường học đường chính là kết quả của xây dựng VHNT, là một phần của VHNT. Một số học giả (Deal & Kennedy, 1983; Hopkins, 2001; Schoen & Teddlie, 2008) chia VHNT thành 03 phần: các mặt cấu trúc, các mặt xã hội, các nghi lễ, phong tục, truyền thống chung của nhà trường. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa văn hóa và cấu trúc: văn hóa đề cập đến các giá trị, thái độ và niềm tin đã đề cập trước đó, trong khi cấu trúc đề cập đến môi trường vật chất, vật chất và cấu trúc thời gian của các hoạt động của HS, GV (Vujicic, 2008). Xét về cấu trúc VHNT, theo Hargreaves (1999), VHNT có một loại cấu trúc vật chất, tổ chức và xã hội, trong khi Stoll và Fink (2000) đề cập đến không gian, thời gian, vai trò và mối quan hệ của con người trong tổ chức như các yếu tố cấu trúc. Tiếp cận VHNT từ văn hóa tổ chức, Schein (2004) cho rằng, cấu trúc VHNT gồm: (1) Cấu trúc hữu hình; (2) Hệ thống giá trị được tuyên bố; (3) Những quan niệm chung. Đó là kiểu cấu trúc - chức năng mà trong đó mỗi thành tố đều có vị trí và vai trò trong hệ thống VHNT. Mỗi yếu tố trong hệ thống VHNT đảm nhiệm các chức năng trong sự liên kết với nhau để tạo thành cấu trúc thể hiện ở mô hình (hình 1). Các yếu tố bao gồm: (1) Văn hóa lãnh đạo: xem xét mối quan hệ giữa các cơ chế ra quyết định, quyền lực hành chính được thể hiện như thế nào và kết quả là môi trường văn hóa được tạo ra; (2) Văn hóa giảng dạy và giáo dục: triết lý giáo dục mang sắc thái riêng của trường, là cơ sở để lãnh đạo đưa ra các chiến lược phát triển VHNT, đồng thời, phản ánh tâm nhìn, sứ mệnh của nhà trường; (3) Văn hóa học tập: Nhà trường là một tổ chức học tập và luôn coi học tập là quá trình thực hành văn hóa. Yếu tố văn hóa học tập của HS ở đây không chỉ là sự chủ động, tích cực mà là để học tập suốt đời, học để phát triển năng lực, trau dồi nhân cách, bồi dưỡng văn hóa để phát triển bản thân và đóng góp cho cộng đồng, xã hội. Nó thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của HS để không những đạt mục tiêu học thuật mà còn phát triển toàn diện về phẩm chất, kỹ năng xã hội, tư duy sáng tạo và vận dụng kiến thức đã tiếp thu vào thực tiễn cuộc sống. Đây là một quá trình phát triển năng động, toàn diện, liên tục, nhấn mạnh vai trò chủ động của HS, sự gắn kết thực tiễn và mục tiêu phát triển nhân cách, năng lực và tư duy học tập trọn đời; (4) Văn hóa cảnh quan: Những giá trị vật chất luôn được tôn tạo, xây dựng và bảo tồn để tạo ra một hình ảnh nhà trường, vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa khang trang vừa thân thiện với thiên nhiên, vừa đủ không gian hoạt động vừa đảm bảo tính thẩm mỹ; (5) Môi trường học đường: chính là môi trường văn hóa trường học để tạo nên bầu không khí thân thiện, tích cực, an toàn đối với tất cả mọi người, trong đó HS là nhân vật trung tâm; (6) Văn hóa ứng xử: Văn hóa ứng xử thể hiện qua thái độ của các thành viên trong nhà trường với nhau, các thái độ và văn hóa phổ biến ở các hoạt động trong trường học và mối quan hệ của chúng với môi trường văn hóa; (7) Nghi lễ và truyền thống: Đó là những yếu tố thuộc hình thức bên ngoài của VHNT có thể quan sát, chứng kiến và trải nghiệm, bao gồm các biểu tượng vật chất và các biểu tượng tinh thần như nghi lễ, sự quảng bá hình ảnh nhà trường, các hoạt động phong trào, các hoạt động kỉ niệm; (8) Quan hệ cộng đồng: Quan hệ này đảm bảo cho nhà trường duy trì được mối liên hệ giữa nhà trường với cộng đồng như là một cấu trúc văn hóa trong xã hội.

2.1.3. Những yêu cầu đặt ra đối với văn hóa nhà trường và văn hóa học tập của học sinh ở trường trung học phổ thông trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

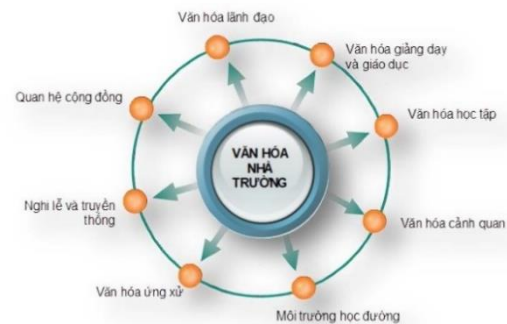
Mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT mà Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phải đạt được là giúp HS phát triển phẩm chất, năng lực, ý thức và nhân cách, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, biết lựa chọn nghề nghiệp phù hợp năng lực và sở thích và có khả năng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa. VHNT trong thời điểm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh các đặc điểm và mục tiêu cần đạt này của HS THPT. VHNT cần định hướng để giáo dục HS yêu nước một cách chủ động, tự giác, tự nguyện; tính nhân ái, vì người khác, sự khác biệt của người khác, có ý thức tìm tòi, sáng tạo; sự trung thực; trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội và môi trường sống. Nét mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là nhà trường được giao quyền tự chủ trong triển khai chương trình giáo dục, các hoạt động giáo dục, đảm bảo phù hợp điều kiện cụ thể của địa phương, của HS, đóng vai trò quan trọng để gìn giữ, phát triển VHNT. Chính vì thế, VHNT trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phải chú trọng phối hợp hài hòa, hiệu quả của các tổ chức xã hội trong, ngoài nhà trường, bảo đảm nhà trường không phải là một thực thể cô độc với xã hội, mà phải phối hợp năng động, hiệu quả, thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH địa phương, đưa hoạt động này thành một phần trong sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường và qua đó thực hiện giáo dục HS về thực tiễn cuộc sống và kỹ năng thích ứng xã hội. Xét một cách tổng thể, trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, VHNT hướng đến thực hiện tốt yếu tố dân chủ, mối quan hệ, xây dựng môi trường

học tập thân thiện, đáp ứng nhu cầu của HS; văn hóa quản lý chuyên nghiệp hướng đến thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi của nhà trường, khuyến khích đội ngũ nhân lực không ngừng đổi mới, sáng tạo; văn hóa giảng dạy phát triển được năng lực tự chủ, chủ động của GV sáng tạo, quản lý sự thay đổi, thích ứng xu hướng hội nhập quốc tế và cảnh quan, môi trường, thiết bị dạy học hiện đại, hiệu quả, an toàn, quy chuẩn.

Văn hóa học tập của HS tiến tới đạt yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, tìm tòi, học tập suốt đời. HS được phát triển năng lực toàn diện, được khuyến khích và tạo điều kiện mở rộng kiến thức, tham gia các hoạt động để vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển kỹ năng sống. HS của bậc THPT được định hướng, đào tạo, giáo dục theo hướng xác định nghề nghiệp, phát huy tối đa lựa chọn môn học gắn chặt nghề nghiệp trong tương lai.

2.1.4. Tiêu chuẩn văn hóa học tập trường trung học phổ thông trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiêu chí VHNT được coi là hệ thống tham chiếu để nhà trường xác định được khoảng cách, mức độ của VHNT, từ đó đặt ra những mục tiêu, kế hoạch phù hợp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng VHNT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Văn hóa học tập được đề cập là một trong các yếu tố của VHNT với các tiêu chí: Mục đích, động cơ học tập của HS; Thái độ; Năng lực học tập và Kỹ năng xã hội. “Mục đích, động cơ học tập” của HS là tiêu chí mà ở đó HS xác định mục đích, động cơ học tập đúng đắn để vì tương lai lập nghiệp, có ý thức xây dựng kế hoạch học tập và thực hiện kế hoạch học tập, xác định đúng đắn nghề nghiệp và chọn môn, chọn ngành phù hợp. “Thái độ học tập” của HS bao hàm các nội dung về sự tôn trọng, lễ phép, yêu thương thầy cô giáo và bạn bè, luôn cầu tiến và mong muốn bạn bè cũng được tiến bộ như mình, biết nhận lỗi, tự chịu trách nhiệm về hành vi không đúng của mình và biết cách khắc phục để không tái phạm và không chấp nhận và tha thứ cho hành vi nói tục, chửi thề, bắt nạt, xúc phạm thân thể, danh dự người khác. “Năng lực học tập” của HS được xác định là khả năng tiếp thu kiến thức văn hóa chuyên sâu thông qua sự tham gia tích cực và tương tác có ý nghĩa với thầy cô, bạn bè và người lớn, sự tham gia và đóng góp mang tính xây dựng cho các hoạt động học tập của lớp, của trường gắn với các hoạt động phong trào, lễ hội truyền thống trong nhà trường, việc sử dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học và cách hiểu biết từ truyền thống văn hóa của mình để tìm hiểu về thế giới rộng lớn hơn nơi các em đang sống và năng lực xác định và sử dụng các nguồn kiến thức văn hóa phù hợp để tìm giải pháp cho các vấn đề hằng ngày. “Kỹ năng xã hội” được đề xuất để đo việc HS có đạt được một lối sống lành mạnh, việc tham gia vào quá trình tự đánh giá, thể hiện vai trò của họ với tư cách là những người làm đẹp hình ảnh VHNT và sự thừa nhận, xây dựng các mối quan hệ qua lại trong thế giới xung quanh mình.



Hình 1. Các yếu tố trong hệ thống cấu trúc VHNT (Nguyễn Sỹ Thu và cộng sự, 2024)

ý nghĩa với thầy cô, bạn bè và người lớn, sự tham gia và đóng góp mang tính xây dựng cho các hoạt động học tập của lớp, của trường gắn với các hoạt động phong trào, lễ hội truyền thống trong nhà trường, việc sử dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học và cách hiểu biết từ truyền thống văn hóa của mình để tìm hiểu về thế giới rộng lớn hơn nơi các em đang sống và năng lực xác định và sử dụng các nguồn kiến thức văn hóa phù hợp để tìm giải pháp cho các vấn đề hằng ngày. “Kỹ năng xã hội” được đề xuất để đo việc HS có đạt được một lối sống lành mạnh, việc tham gia vào quá trình tự đánh giá, thể hiện vai trò của họ với tư cách là những người làm đẹp hình ảnh VHNT và sự thừa nhận, xây dựng các mối quan hệ qua lại trong thế giới xung quanh mình.

2.2. Thực trạng văn hóa học tập của học sinh ở các trường trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ góc nhìn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

2.2.1. Phương pháp khảo sát

- Mục đích khảo sát: Khảo sát thực trạng văn hóa học tập của HS, dựa vào đó để đánh giá trình độ văn hóa học tập của HS tại các trường THPT công lập TP. Hồ Chí Minh.

- Nội dung khảo sát: Khảo sát thực trạng văn hóa học tập của HS các trường THPT công lập TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gồm: Mục đích và động cơ học tập của HS; Thái độ học tập của HS; Năng lực học tập của HS và Kỹ năng xã hội của đối tượng này.

- Mẫu khảo sát: các mẫu khảo sát được chọn phân tầng từ 109 trường THPT công lập TP. Hồ Chí Minh. Các tiêu chí chọn mẫu được quy định theo 12 khu vực thi đua của Sở GD-ĐT TP. Hồ Chí Minh và một trường thuộc quản lý của trường đại học trên địa bàn Thành phố; khách thể là HS khối 11; số năm thành lập trường; tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Tổng số CBQL, GV, nhân viên (NV) tham gia khảo sát là 771 người. Về vị trí công tác, GV bộ môn có tỉ lệ 46,7% (360 người), Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chiếm tỉ lệ nhỏ, lần lượt là 0,4% (3 người) và 1,6% (12 người). Tổ trưởng chuyên môn 9,9% (76 người), NV 12,8% (99 người) và phụ trách nhiều vị trí 28,7% (221 người).

Xét về thâm niên công tác, phần lớn GV có thâm niên từ 10-20 năm, 52,8% (407 người); dưới 10 năm 29,3% (226 người). Có 50,7% (391 người) GV có thời gian công tác từ 10-20 năm. GV công tác dưới 10 năm chiếm 29,7% (229 người) và trên 20 năm là 19,6% (151 người). Tổng số HS tham gia khảo sát là 1499 khách thể. Xét về kết quả 2 mặt giáo dục, có 897 HS (59,8%) đạt loại “Tốt”, 502 HS (33,5%) đạt loại “Khá”, 98 HS (6,5%) đạt mức “Đạt” và chỉ có 2 HS (0,1%) chưa đạt. Về rèn luyện, 1134 HS (75,7%) đạt loại “Tốt”, 306 HS (20,4%) đạt loại “Khá” và 58 HS (3,9%) đạt mức “Đạt”. Có 205 HS (13,7%) là cán bộ lớp, 307 HS (20,5%) tham gia câu lạc bộ, 121 HS (8,1%) tham gia nhiều vị trí và 741 HS (49,4%) không tham gia vào các vị trí nào.

2.2.2. Kết quả và thảo luận

- Kết quả (bảng 1).

Bảng 1. Ý kiến đánh giá của CBQL, GV, NV và HS về văn hóa học tập ở trường THPT TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiêu chí	Mô tả	Ý kiến từ khách thể là CBQL, GV và NV			Ý kiến từ khách thể là HS		
		ĐTB	ĐLC	MDG	ĐTB	ĐLC	MDG
Mục đích và động cơ học tập	Xác định mục đích, động cơ học tập đúng đắn để vì tương lai lập nghiệp	3,83	0,38	Khá	3,69	0,70	Khá
	Có ý thức tự học, xây dựng kế hoạch học tập và thực hiện kế hoạch học tập, học tập suốt đời	3,45	0,84	Khá	3,20	0,76	Trung bình
	Đề hoàn thiện bản thân, HS biết lắng nghe, học hỏi và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với bạn bè	3,39	0,62	Trung bình	3,79	0,55	Khá
	Xác định đúng đắn nghề nghiệp và chọn môn học tự chọn, chọn ngành phù hợp	2,95	0,67	Trung bình	2,23	0,77	Yếu
Thái độ học tập	Tôn trọng, lễ phép, yêu thương thầy cô giáo và bạn bè	3,05	0,94	Trung bình	4,24	0,83	Tốt
	Có thái độ cầu tiến, nâng cao tinh thần tự học, tự chủ và mong muốn bạn bè cũng được tiến bộ như mình	2,81	0,89	Trung bình	3,52	0,72	Khá
	Biết nhận lỗi, tự chịu trách nhiệm về hành vi không đúng của mình và biết cách khắc phục để không tái phạm, có tư duy phản biện	3,11	0,89	Trung bình	3,68	0,67	Khá
	Không chấp nhận và tha thứ cho hành vi nói tục, chửi thề, bắt nạt, xúc phạm thân thể, danh dự người khác, các hành vi bạo lực học đường	2,64	0,80	Trung bình	4,04	0,70	Khá
Năng lực học tập	Tiếp thu kiến thức văn hóa chuyên sâu thông qua sự tham gia tích cực và tương tác có ý nghĩa với thầy cô, bạn bè và người lớn	3,07	1,14	Trung bình	3,37	0,96	Trung bình
	Tham gia và đóng góp mang tính xây dựng cho các hoạt động học tập của lớp, của trường gắn với các hoạt động phong trào, lễ hội truyền thống trong nhà trường	3,87	1,20	Khá	3,42	0,72	Khá
	Sử dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học và cách hiểu biết từ truyền thống văn hóa của mình để tìm hiểu về thế giới rộng lớn hơn nơi các em đang sống	3,63	1,18	Khá	3,17	0,77	Trung bình
	Xác định và sử dụng các nguồn kiến thức văn hóa phù hợp để tìm giải pháp cho các vấn đề hằng ngày	3,96	0,99	Khá	3,18	0,76	Trung bình
Kỹ năng xã hội	Đạt được một lối sống lành mạnh mà qua đó họ có thể duy trì sức khỏe xã hội, tình cảm, thể chất, trí tuệ và tinh thần của chính mình	3,63	0,79	Khá	3,51	0,83	Khá
	Tham gia vào quá trình tự đánh giá thực tế để xác định điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu và đưa ra quyết định phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng sống	3,54	0,75	Khá	3,36	0,59	Trung bình
	Tương tác với mọi người một cách yêu thương và tôn trọng, thể hiện sự đánh giá cao vai trò của họ với tư cách là những người làm đẹp hình ảnh VHNT	3,35	0,87	Trung bình	3,75	0,51	Khá
	Thừa nhận và xây dựng các mối quan hệ qua lại tồn tại giữa các lĩnh vực tinh thần, tự nhiên và con người trong thế giới xung quanh mình	3,20	0,93	Trung bình	3,42	0,79	Khá

Ý kiến đánh giá của CBQL, GV, NV về văn hóa học tập tại các trường THPT công lập trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho thấy ĐTB chung của các tiêu chí đạt “Trung bình”. Trong khi đó, ĐTB chung của các tiêu chí từ ý kiến của HS ở mức “Khá”. Nhận xét của CBQL, GV, NV về mục đích và động cơ học tập của HS chỉ ra một số điểm nhấn quan trọng về cách HS định hướng và thúc đẩy bản thân trong quá trình học tập. HS có khả năng khá tốt trong việc nhận thức và xác định được mục tiêu học tập để chuẩn bị cho tương lai nghề nghiệp của mình (mức “Khá”). Khách thể HS đồng quan điểm khi phần lớn HS có nhận thức rõ ràng về tầm quan

trọng của việc học đối với sự nghiệp tương lai. HS có khả năng tự chủ trong học tập và khả năng xây dựng kế hoạch học tập để duy trì một quá trình học tập liên tục và bền vững. Khi xem xét đến hai yếu tố còn lại, “Xác định đúng đắn nghề nghiệp và chọn môn học tự chọn, chọn ngành phù hợp” đạt mức “Trung bình”, thể hiện sự cải thiện trong việc hỗ trợ HS xác định rõ ràng hơn về lựa chọn nghề nghiệp và môn học tự chọn để phù hợp với sở thích và khả năng của từng HS. Khách thể HS cho rằng hoạt động này, HS chỉ đạt mức “Yếu” thể hiện việc HS gặp khó khăn trong lựa chọn môn học phù hợp cũng như định hướng nghề nghiệp tương lai. Khả năng tự học, xây dựng kế hoạch học tập suốt đời được khách thể CBQL, GV, NV đánh giá khách quan với mức “Khá”. Tuy nhiên, HS cho thấy rằng HS cần cải thiện ý thức tự học và khả năng lập kế hoạch học tập dài hạn. HS chưa tin tưởng vào năng lực tự học và học tập suốt đời của bản thân. Tiêu chí “Để hoàn thiện bản thân, HS biết lắng nghe, học hỏi và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với bạn bè” cho thấy HS có khả năng tương tác và học hỏi lẫn nhau khá tốt. Trong khi đó, CBQL, GV, NV lại cho rằng năng lực này ở HS ở mức trung bình.

Liên quan đến *thái độ học tập* của HS, khách thể CBQL, GV, NV không cho rằng HS “Tôn trọng, lễ phép, yêu thương thầy cô giáo và bạn bè”; ngược lại, khách thể HS lại đánh giá HS ở các nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay thể hiện thái độ tốt với thầy cô và bè bạn. Với ĐTB của các tiêu chí trong bảng này dao động ở mức “Trung bình”, CBQL, GV, NV xác định HS chưa thật sự cầu tiến. Các HS trong mắt CBQL, GV, NV dù đã có tinh thần tự học, tự chủ, biết nhận lỗi, có tư duy phản biện, không chấp nhận hành vi nói tục, chửi thề, bắt nạt, song mức đánh giá không cao. Theo đó, các HS cần có sự cố gắng hơn nữa về thái độ cầu tiến và khả năng tự học, cũng như trong việc không chấp nhận các hành vi xúc phạm và bạo lực học đường. Các nhà trường THPT cần hỗ trợ và đào tạo để nâng cao nhận thức và đổi mới trong cộng đồng học đường của HS, đảm bảo một môi trường học tập tích cực và an toàn hơn cho tất cả các thành viên. Trong khi đó, các khách thể HS đánh giá tiêu chí về thái độ là tốt nhất trong 4 tiêu chí trong văn hóa học tập. HS xác định HS có tinh thần cầu tiến và tự học khá tốt. Khả năng tự chịu trách nhiệm và tư duy phản biện của HS được đánh giá cao cũng như HS thể hiện thái độ rõ ràng đối với các hành vi không đúng mực.

Xét về *năng lực học tập* của HS, các khách thể CBQL, GV, NV đánh giá HS có các biểu hiện năng lực học tập tốt hơn so với ý kiến từ khách thể HS. Đánh giá của CBQL, GV, NV, các tiêu chí về khả năng tiếp thu và ứng dụng kiến thức văn hóa có sự dao động song ở mức đánh giá “Khá”, chỉ một tiêu chí ở mức “Trung bình”. Các HS được cho rằng có khả năng tiếp thu kiến thức văn hóa chuyên sâu thông qua sự tham gia tích cực và tương tác ý nghĩa với thầy cô, bạn bè và người lớn. HS tham gia và đóng góp tích cực vào các hoạt động học tập của lớp và trường, gắn kết với các hoạt động phong trào và lễ hội truyền thống. Ngoài ra, HS biết cách sử dụng hiệu quả kiến thức và kỹ năng đã học từ truyền thống văn hóa để hiểu rõ hơn về thế giới xung quanh và áp dụng các nguồn kiến thức văn hóa phù hợp để giải quyết các vấn đề hàng ngày. Mặc dù điểm số có sự dao động, nhưng ĐTB chung cho thấy các HS có khả năng tham gia và ứng dụng kiến thức văn hóa trong các hoạt động học tập với mức đánh giá khá. Điều này thể hiện sự phát triển toàn diện không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng sống và sự hiểu biết sâu rộng về văn hóa. Các khách thể HS chỉ đánh giá cao sự tham gia của HS vào các hoạt động của nhà trường và khả năng tìm kiếm, sử dụng các nguồn kiến thức văn hóa ở mức khá tốt. Các tiêu chí khác về tiếp thu kiến thức văn hóa và chuyên sâu, khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế, tìm kiếm và sử dụng nguồn kiến thức văn hóa giải quyết các vấn đề hàng ngày được HS đánh giá ở mức không tốt. Theo đó, việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS cần được cải thiện.

Đánh giá của CBQL, GV, NV về *kỹ năng xã hội* của HS phản ánh một mức độ đánh giá từ “Trung bình” đến “Khá” cho tiêu chí về lối sống lành mạnh để duy trì sức khỏe xã hội, tình cảm, thể chất, trí tuệ và tinh thần của bản thân và tham gia vào quá trình tự đánh giá để xác định điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu và đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng sống. Trong khi đó, hai tiêu chí về khả năng tương tác với mọi người một cách yêu thương và tôn trọng, thể hiện vai trò quan trọng của họ đối với việc làm đẹp hình ảnh văn hóa của nhà trường và thừa nhận và xây dựng các mối quan hệ tồn tại giữa các lĩnh vực tinh thần, tự nhiên và con người trong xã hội xung quanh chỉ được đánh giá ở mức “Trung bình”. Các khách thể HS đánh giá cao về vai trò của họ với tư cách là những người làm đẹp hình ảnh VHNT và cho rằng họ có kỹ năng tương tác xã hội khá tốt. Tiêu chí về lối sống lành mạnh của HS, khả năng xây dựng các mối quan hệ xung quanh cũng được khách thể HS đánh giá cao. Nội dung HS cần cải thiện, phát triển thêm là khả năng tự đánh giá và nâng cao kỹ năng sống.

- *Thảo luận*: Văn hóa học tập của HS tại các trường THPT công lập tại TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh đổi mới giáo dục nổi trội ở năng lực học tập của các đối tượng tuổi định hướng nghề nghiệp này. HS các trường THPT có mục đích và động cơ học tập, kỹ năng xã hội khá tốt. Tuy nhiên, thái độ học tập, tinh thần tự học, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xác định đúng môn lựa chọn, nghề nghiệp của bản thân là những yếu tố cần được chú trọng, tăng cường bồi dưỡng, giáo dục. Riêng khách thể HS cho rằng HS có nhận thức và thái độ khá tốt về văn hóa học tập nhưng vẫn

cần cải thiện ở một số khía cạnh như tự học, lựa chọn ngành nghề, và kỹ năng sống. Các yếu tố như thái độ tôn trọng, yêu thương và tinh thần cầu tiến được đánh giá cao, đây là nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của HS trong môi trường học tập. Như vậy, để phát triển, quản lý tốt văn hóa học tập của HS tại các trường THPT công lập trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, các nhà trường cần chú ý xây dựng, tổ chức các hoạt động để HS trau dồi ý thức tự chủ, tự học, xác định môn học lựa chọn theo đúng định hướng nghề nghiệp. Việc phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng sống, hiểu đúng đắn về bản thân HS để có những quyết định trong cuộc sống hàng ngày một cách hợp lý cần phải được tạo điều kiện để HS rèn luyện hơn nữa. Phát huy năng lực học tập, khả năng tương tác xã hội, làm đại sứ, hình ảnh văn hóa của nhà trường cũng cần được chú trọng.

3. Kết luận

Tiếp cận toàn diện đối với VHNT nói chung, văn hóa học tập nói riêng ở các trường THPT TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là để đảm bảo rằng mọi hoạt động trong nhà trường có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa và giá trị mà nó mang lại có thể xác định được. Cách tiếp cận này phản ánh những điểm mạnh và điểm yếu về văn hóa học tập của các trường THPT TP. Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát văn hóa học tập của các trường THPT TP. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những khoảng cách về văn hóa ở các trường THPT TP. Hồ Chí Minh dựa trên mức độ đánh giá của các đối tượng tham gia trả lời phiếu hỏi, từ đó có thể nhận diện được những yếu tố để tiếp tục phát huy, những yếu tố cần có giải pháp khắc phục. Việc nhận diện văn hóa học tập của các trường THPT TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là cơ sở để đề xuất các giải pháp quản lý về phát triển VHNT ở các trường này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Cooper, M. (1988). Whose culture is it, anyway? In A.Lieberman (ed). *Building a professional culture in schools*. New York: Teachers College Press.
- Đặng Thành Hưng (2016). Văn hóa tổ chức và văn hóa nhà trường trong quản lý giáo dục. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, 124, 10-12.
- Deal, T., & Kennedy, A. (1983). Culture and school performance. *Educ. Leadersh*, 40, 14-15.
- Hargreaves, D. (1999). Helping practitioners explore their school's culture. In, J. Prosser, *School Culture* (London: P.C.P.), 48-65. <http://dx.doi.org/10.4135/9781446219362.n4>
- Helsper, W. (2000). Wandel der Schulkultur. *Zeitschrift für Erziehungswissenschaft*, 3(1), 35-60.
- Hopkins, D. (2001). *School Improvement for Real*. London: Falmer Press.
- Maslowski, E. R. (2001). *School Culture and School Performance*. Ph.D. thesis, University of Twente.
- Maslowski, R. (1997). Schoolcultuur: kenmerken en veranderingsmogelijkheden [School culture: characteristics and levers for change]. In: B.P.M. Creemers e.a. (Eds.), *Handboek Schoolorganisatie en Onderwijsmanagement* (pp. B1400/1-B1400/25). Alphen aan den Rijn: Samsom Tjeenk Willink. <https://culturalrights.net/>
- Miner, J. B. (1995). *Administration and Management Theory*. Brookfield, VT: Ashgate.
- Nguyễn Minh (2007). *Bàn về văn hóa học đường Việt nhà trường phổ thông*. Đề tài cấp Bộ, mã số: B2008-37.
- Nguyễn Sỹ Thư, Dư Thống Nhất, Nguyễn Thị Tú (2024). *Giáo dục và quản lý giáo dục trong kỉ nguyên số*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Toàn Thắng (2021). *Những vấn đề chung về văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*. Kí yếu Hội thảo “Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo”. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Phillips, G. (1996). *Classroom rituals for at-risk learners*. British Columbia School Trustees Publishing.
- Schein, E. H. (2004). Culture: the missing concept in organization studies. *Administrative Science Quarterly*, 41, 229-240.
- Schoen, L., & Teddlie, C. (2008). A new model of school culture: a response to a call for conceptual clarity. *Schl. Effect. Schl. Improv*, 19, 129-153. <http://dx.doi.org/10.1080/09243450802095278>
- Stoll, L., & Fink, D. (2000). *Changing our Schools*. Zagreb: Educa.
- Thái Văn Thành (2021). *Xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*. Kí yếu Hội thảo “Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo”. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Vujicić, L. (2008). The culture of the educational institution and the quality of changes in the educational practice. *Pedagogical Research*, 5, 7-20.